

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2018/HS-PT

Ngày: 05-12-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Ông Ong Thân Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tùng- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 05/12/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 197/TLPT-HS ngày 22 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Ngụy Ngọc V do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2018/HS-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Ngụy Ngọc V**, sinh ngày 06/02/1958; tên gọi khác: Không; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 8/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Ngụy Văn N (đã chết); con bà: Dương Thị H (đã chết); vợ: Nguyễn Thị B- sinh năm 1960; con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1983; gia đình có 03 anh chị em bị cáo là con út; tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 07/01/2016 để chấp hành án phạt tù về hành vi phạm tội nêu trên (Theo Bản án số 152/2012/HSPT ngày 27/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 5 năm tù về tội “Tham ô tài sản”) tại Trại giam Tân Lập- Tổng cục VIII- Bộ Công an từ ngày 07/01/2016 đến ngày 13/02/2018 được trả tự do (Theo Quyết định hủy bỏ Quyết định thi hành án phạt tù số 01/2018/QĐ-CA ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện T), hiện đang tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Ngụy Ngọc V:* Ông Dương Minh K- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Dương Minh N- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 80, đường N, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:*

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1955. Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H là bà Ninh Thị G, sinh năm 1958; trú tại: thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Nguy Ngọc V- sinh năm 1958, trú tại thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang, nguyên là kế toán của Quỹ tín dụng nhân dân thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang từ năm 2000 đến tháng 9 năm 2010. Ngày 01/6/2009, ông Nguyễn Văn H- sinh năm 1955 (là anh vợ và ở cùng thôn với V) đưa cho V số tiền 57.000.000 đồng nhờ V gửi tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân xã V giúp ông H. Khi nhờ V gửi tiền, ông H có viết Giấy ủy quyền cho V thay mặt ông H gửi và rút tiền gốc và lãi khi đến hạn. Cùng ngày, Nguy Ngọc V cầm số tiền 57.000.000 đồng của ông H đến Quỹ tín dụng nhân dân xã V làm thủ tục gửi tiền tiết kiệm số tiền này với kỳ hạn gửi là 6 tháng, lãi suất 0,7%/ tháng tại quyền Sở tiết kiệm có kỳ hạn số AB2907495 mang tên Nguyễn Văn H ở C, thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Khi làm thủ tục gửi tiền, V tự ký tên “H” vào mục “Người gửi tiền” ở Thẻ lưu sổ tiết kiệm có kỳ hạn và V ký chữ của V vào mục “Kế toán” ở Thẻ lưu sổ tiết kiệm có kỳ hạn và Sở tiết kiệm có kỳ hạn số AB2907495 nhưng V không ghi số Chứng minh thư nhân dân của ông H vào Thẻ lưu sổ tiết kiệm có kỳ hạn và Sở tiết kiệm có kỳ hạn, sau đó V nộp tiền cho Thủ quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân xã V là chị Dương Thị H -sinh năm 1981, trú tại Khu I, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, chị H ký xác nhận dưới mục “Thủ quỹ”, ông Nguyễn Cường Quang- sinh năm 1958, trú tại thôn C1, thôn C, xã V, huyện T (là Phó Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân xã V) ký xác nhận dưới mục “Giám đốc” ở Thẻ lưu sổ tiết kiệm có kỳ hạn và Sở tiết kiệm có kỳ hạn số AB2907495. Sau khi hoàn tất các thủ tục gửi tiết kiệm số tiền của ông H, V lưu giữ lại Thẻ lưu sổ tiết kiệm có kỳ hạn tại Quỹ tín dụng nhân dân xã V, còn Sở tiết kiệm có kỳ hạn số AB2907495 V cầm về trả cho ông H để ông H quản lý.

Do có ý định chiếm đoạt tiền của quỹ tín dụng nhân dân xã V, nên ngày 31/8/2009 Nguy Ngọc V đã tự ý viết Giấy rút tiền tiết kiệm với số tiền gốc 10.000.000 đồng và viết Phiếu chi số tiền lãi 49.200 đồng tại Sở tiết kiệm số AB2907495 mang tên Nguyễn Văn H do Quỹ tín dụng nhân dân xã V trả, V ký vào mục “người nhận tiền” là Nguyễn Văn H. Làm Giấy rút tiền và Phiếu chi xong, V ký chữ ký của mình vào phần “Kế toán” ở Giấy rút tiền tiết kiệm và ký vào phần sổ phụ của Phiếu chi rồi đưa Giấy rút tiền và Phiếu chi cho ông Dương Hồng L- sinh năm 1966, trú tại thôn Chính, thôn C, xã V, huyện T (là Kiểm soát của Quỹ tín dụng nhân dân xã V) kiểm soát và ký vào mục “Kiểm soát”. Sau đó, V chuyển cho chị Dương Thị H ký tên vào phần “Kho quỹ” của Phiếu chi và Giấy rút tiền tiết kiệm, ông Lê Văn Thanh- sinh năm 1956, trú tại thôn Phố Mới, thôn C, xã V, huyện T (là Giám Quỹ tín dụng nhân dân xã V” ký dưới mục “Giám đốc” ở Phiếu chi. Do nê

nang V làm kế toán của Quỹ tín dụng và V là người gửi tiền tiết kiệm nên khi V làm thủ tục rút tiền tại Sổ tiết kiệm của ông H, lấy tên người rút là ông H nhưng không phải ông H là người trực tiếp đến rút tiền, ông L và chị H vẫn ký xác nhận và làm thủ tục xuất tiền cho V. Khi chị H xuất quỹ số tiền 10.049.200 đồng cho V thì V nhận tiền rồi ký tên “H” và “Nguyễn Văn H” dưới mục “Người nhận tiền” ở Phiếu chi, ký tên “H” dưới mục “Người rút” ở Giấy rút tiền tiết kiệm. Sau khi rút được tiền của Quỹ tín dụng nhân dân xã V, V đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Ngày 19/10/2009, vẫn bằng thủ đoạn và hình thức như trên, Ngụy Ngọc V tiếp tục làm thủ tục rút số tiền gốc 12.600.000 đồng tại Sổ tiết kiệm số AB 2907495 mang tên Nguyễn Văn H. Khi làm thủ tục rút tiền, V ký vào mục “Kế toán”, sau đó chuyển cho ông Dương Hồng L ký vào mục “Kiểm soát”, chuyển cho chị Dương Thị H ký vào mục “Kho quỹ” của Giấy rút tiền và chỉ cho V số tiền 12.600.000 đồng. Khi nhận tiền của chị H, V ký tên “H” vào mục “Người rút tiền”. Số tiền này, V đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Do có mục đích chiếm đoạt số tiền trên nên cả hai lần rút tiền Ngụy Ngọc V đều không hạch toán kế toán, không ghi số tiền rút từng phần vào Thẻ lưu sổ tiết kiệm có kỳ hạn do Quỹ quản lý để tránh sự phát hiện của Giám đốc, Kiểm soát và Thủ quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân xã V.

Khi hết hạn gửi tiền tại Sổ tiết kiệm số AB2907495, ngày 01/12/2009 ông Nguyễn Văn H đã đưa Sổ tiết kiệm này cho V, nhờ V làm thủ tục rút tiền hộ. V lập Giấy rút toàn bộ số tiền gốc số tiền 57.000.000 đồng và tiền lãi 2.394.000 đồng tại Sổ tiết kiệm mang tên khách hàng Nguyễn Văn H và làm thủ tục tắt toán Sổ tiết kiệm. V ký chữ ký của mình vào mục “Kế toán” của Giấy rút tiền tiết kiệm và Sổ tiết kiệm có kỳ hạn AB2907495, sau đó V chuyển Giấy rút tiền cho ông Dương Hồng L ký vào mục “Kiểm soát” và chuyển Sổ tiết kiệm có kỳ hạn cho ông Lê Văn Thanh ký và đóng dấu xác nhận vào mục “Giám đốc” để tắt toán Sổ tiết kiệm có kỳ hạn AB2907495. Sau khi ông Thanh ký xong, V chuyển sổ giấy tờ trên cho chị H ký tên vào mục “Thủ quỹ” ở Sổ tiết kiệm có kỳ hạn AB2907495 và ký vào mục “Kho quỹ” ở Giấy rút tiền tiết kiệm. Chị H xuất chỉ số tiền 59.394.000 đồng (bao gồm tiền gốc và tiền lãi) cho Ngụy Ngọc V, khi nhận tiền của chị H, V ký tên “H” vào mục “Người nhận tiền” ở Sổ tiết kiệm có kỳ hạn AB2907495 và ký tên “H” vào mục “Chữ ký người rút” ở Giấy rút tiền tiết kiệm. Số tiền 59.394.000 đồng này, V mang về và đưa trả toàn bộ cho ông H.

Đầu tháng 8 năm 2010, Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân xã V đã ra nghị quyết chỉ đạo Ban kiểm soát nội bộ tiến hành kiểm tra việc thanh toán tiền vay, tiền gửi với khách hàng của Quỹ tín dụng thời điểm từ tháng 7/2009 đến tháng 7/2010. Ngày 30/8/2010, Ban kiểm soát nội bộ của Quỹ tín dụng nhân dân xã V đã tiến hành kiểm tra phát hiện Ngụy Ngọc V tự ý rút tiền hai lần tại Sổ tiết kiệm có kỳ hạn AB2907495 mang tên Nguyễn Văn H với tổng số tiền là 22.649.200 đồng. Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân xã V đã tiến hành họp yêu cầu Ngụy Ngọc V nộp lại số tiền đã rút của Quỹ. Ngày 07/9/2010, Ngụy Ngọc V đã tự giác giao nộp lại toàn bộ số tiền 22.649.200 đồng cho Quỹ tín dụng nhân dân xã V.

Ngày 24/9/2010, Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân xã V đã ra Quyết định về việc kỷ luật viên chức đối với Nguyễn Ngọc V bằng hình thức buộc thôi việc.

Ngày 28/2/2011, Ủy ban kiểm tra Huyện ủy huyện T đã ra Quyết định số 27-QĐ/UBNDKT quyết định thi hành kỷ luật đối với Nguyễn Ngọc V đảng viên chi bộ thôn C, xã V, huyện T bằng hình thức “Khai trừ”.

Sau khi nhận được nguồn tin Nguyễn Ngọc V có hành vi chiếm đoạt tiền của Quỹ tín dụng nhân dân xã V, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành điều tra. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T Quyết định trưng cầu giám định để xác định chữ ký, chữ viết trên các Giấy rút tiền, Phiếu chi, Thẻ lưu sổ tiết kiệm có kỳ hạn, Sổ tiết kiệm có kỳ hạn có phải là chữ viết của Nguyễn Ngọc V không?

Tại Kết luận giám định số 569/KL-PC54 ngày 22/6/2011 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

“5.1. Chữ ký, chữ viết “H - Nguyễn Văn H” – “H” dưới mục “*Người nhận*” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1); dưới mục “*Chữ ký người rút*” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2, A3); dưới mục “*Người nhận tiền*” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A4); mục “*Người gửi*” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A5) với chữ viết của Nguyễn Ngọc V trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3) **là do cùng một người viết ra.**

5.2. Chữ viết trên 02 (hai) tài liệu cần giám định (ký hiệu A4, A5) với chữ viết của Nguyễn Ngọc V trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3) **là do cùng một người viết ra”.**

Do khi làm thủ tục rút tổng số tiền 22.649.200 đồng, Nguyễn Ngọc V không hạch toán kế toán, không ghi số tiền rút vào Thẻ lưu sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Nguyễn Văn H lưu tại Quỹ tín dụng nhân dân xã V nên khi làm thủ tục cho V rút số tiền 59.394.000 đồng tại Sổ tiết kiệm mang tên Nguyễn Văn H, ông Lê Văn Thanh, ông Dương Hồng L và chị Dương Thị H không phát hiện ra và không biết V chiếm đoạt tiền của Quỹ tín dụng nhân dân xã V, do vậy ông Thanh, ông L và chị H không vi phạm pháp luật.

Sau khi bị Ban kiểm soát nội bộ của Quỹ tín dụng nhân dân xã V phát hiện Nguyễn Ngọc V chiếm đoạt tiền của Quỹ, V đã tự nguyện nộp lại số tiền 22.649.200 đồng trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân xã V. Đến nay, ông Lê Văn Thanh (Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân xã V) đại diện không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Ngọc V.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Ngọc V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi rút tiền ngày 31/8/2009 và ngày 19/10/2009 và phạm tội một lần đối với số tiền chiếm đoạt 22.649.200 đồng nhưng bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là sai vì hành vi của bị cáo đã bị xử lý buộc thôi việc, kỷ luật đảng nên không thể truy tố tiếp bị cáo về hành vi này.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo Ngụy Ngọc V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm b, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 01 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Ngụy Ngọc V 03 năm tù.

Ngoài ra bản án còn tuyên phần xử lý vật chứng, phần án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử xong, ngày 25/9/2018 bị cáo Ngụy Ngọc V nộp đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngày 21/9/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ninh Thị G kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ các nội dung liên quan đến bà được nêu trong bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Ngụy Ngọc V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do: mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng. Hành vi của bị cáo đã bị Quỹ tín dụng xã V xử lý bằng biện pháp hành chính tại quyết định về việc kỉ luật khai trừ Đảng và buộc thôi việc trước khi bị cáo bị Tòa án huyện T đưa ra xét xử về tội “Tham ô tài sản”, mặc dù việc xét xử bị cáo lần trước có ít tình tiết giảm nhẹ hơn lần xét xử này, nhưng bị cáo chỉ bị tuyên xử hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Còn lần xét xử này bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn lần trước nhưng Tòa án huyện T lại tuyên phạt tù cao hơn mức thấp nhất của khung hình phạt tại điều luật bị xét xử. Tòa án huyện T không áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 là không đúng vì bị cáo đã khai nhận và thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bà Ninh Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Theo đơn kháng cáo của bà G thì bà đề nghị xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của bà với lý do: bà khẳng định việc ông V ký và ghi tên Nguyễn Văn H khi gửi tiền cùng các lần rút tiền gốc và tiền lãi suất không phải là giả mạo chữ ký, bởi vì vợ chồng bà đã ủy quyền cho ông V và ngay từ đầu khi gửi cho đến khi tất toán. Sổ tiết kiệm thì ông V đều ký và ghi tên Nguyễn Văn H vào mục người gửi và người rút tiền.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo vì tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ngụy Ngọc V, sửa bản án sơ thẩm, đề nghị xử phạt bị cáo bằng thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam. Không chấp nhận kháng cáo của bà Ninh Thị G.

Luật sư Dương Minh K phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo V: đồng ý quan điểm của Viện kiểm sát áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn, đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo bằng thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

Kiểm sát viên đối đáp với quan điểm của luật sư: tội phạm hoàn thành từ thời điểm bắt đầu rút tiền khỏi quỹ tín dụng, thiệt hại đã xảy ra do vậy việc luật sư đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có căn cứ. Giữ nguyên quan điểm của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo Ngụy Ngọc V: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Ngụy Ngọc V và của bà Ninh Thị G đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về việc vắng mặt bà Ninh Thị G, bà G đã có đơn xin xét xử vắng mặt: Xét thấy họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do vậy, HĐXX quyết định tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật.

Về tố tụng: Cơ quan điều tra tiếp nhận nguồn tin, xác minh, có căn cứ và khởi tố là đúng quy định. Quá trình điều tra, ngày 22/5/2018 việc lấy lời khai anh Nguyễn Văn H, chị Ninh Thị G có mặt điều tra viên Nguyễn Quang Quảng và ký biên bản là đảm bảo tính hợp pháp theo tố tụng hình sự. Từ sau ngày 13/6/2018 đến khi Tòa án thụ lý ngày 06/7/2018, Viện kiểm sát không tiếp tục áp dụng một trong các biện pháp ngăn chặn theo Điều 109 BLTTHS là có thiếu sót. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên khác trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

Đối với Quỹ tín dụng nhân dân xã V không có đơn yêu cầu khởi tố, truy tố, không có đơn yêu cầu bồi thường (Nếu có đơn yêu cầu bồi thường thì là nguyên đơn dân sự theo Điều 63 BLTTDS), đề nghị xử lý theo pháp luật nên xác định Quỹ tín dụng nhân dân xã V với tư cách bị hại theo khoản 01 Điều 62 BLTTHS là đúng.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Ngụy Ngọc V, qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thấy đủ cơ sở xác định:

Ngày 01/6/2009, anh Nguyễn Văn H đưa cho bị cáo Ngụy Ngọc V số tiền 57.000.000 đồng nhờ V gửi tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân xã V (Sau đây gọi tắt là quỹ tín dụng). Khi nhờ V gửi tiền, anh H có viết Giấy ủy quyền cho V thay mặt anh H gửi và rút tiền gốc và lãi khi đến hạn tất toán. Ngụy Ngọc V làm thủ tục gửi tiền tiết kiệm số tiền 57.000.000 đồng này với kỳ hạn gửi là 6 tháng, lãi suất 0,7%/ tháng tại quyền Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AB2907495 mang tên Nguyễn Văn H. Vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Ninh Thị G không ủy quyền cho V rút tiền từng phần, cũng không đưa Sổ tiết kiệm số AB 2907495 mang tên Nguyễn Văn H và chứng minh nhân dân cho V rút tiền.

Ngày 31/8/2009 bị cáo Ngụy Ngọc V đã tự ý viết Giấy rút tiền tiết kiệm với số tiền gốc 10.000.000 đồng và viết Phiếu chi số tiền lãi 49.200 đồng tại Sổ tiết kiệm số AB2907495 mang tên Nguyễn Văn H do Quỹ tín dụng nhân dân xã V trả. V ký vào mục “người nhận tiền” là Nguyễn Văn H. Làm Giấy rút tiền và Phiếu chi xong, V ký chữ ký của mình vào phần “Kế toán” ở Giấy rút tiền tiết kiệm và ký vào phần sổ phụ của Phiếu chi rồi đưa Giấy rút tiền và Phiếu chi cho ông Dương Hồng L là Kiểm soát của Quỹ tín dụng kiểm soát và ký vào mục “Kiểm soát”. Sau đó, V chuyển cho chị Dương Thị H ký tên vào phần “Kho quỹ” của Phiếu chi và Giấy rút tiền tiết kiệm, ông Lê Văn Thanh là Giám Quỹ tín dụng ký dưới mục “Giám đốc” ở Phiếu chi. Do nể nang V làm kế toán của Quỹ tín dụng và V là người gửi tiền tiết kiệm hộ nên khi V làm thủ tục rút tiền tại Sổ tiết kiệm của ông H, lấy tên người rút là ông H nhưng không phải ông H là người trực tiếp đến rút tiền, ông L và chị H vẫn ký xác nhận và làm thủ tục xuất tiền cho V. Khi chị H xuất quỹ số tiền 10.049.200 đồng cho V thì V nhận tiền rồi ký tên “H” và “Nguyễn Văn H” dưới mục “Người nhận tiền” ở Phiếu chi, ký tên “H” dưới mục “Người rút” ở Giấy rút tiền tiết kiệm. Sau khi rút được tiền của Quỹ tín dụng nhân dân xã V, V đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Ngày 19/10/2009, vẫn bằng thủ đoạn và hình thức như trên, Ngụy Ngọc V tiếp tục làm thủ tục rút số tiền gốc 12.600.000 đồng tại Sổ tiết kiệm số AB 2907495 mang tên Nguyễn Văn H. Khi làm thủ tục rút tiền, V ký vào mục “Kế toán”, sau đó chuyển cho ông Dương Hồng L ký vào mục “Kiểm soát”, chuyển cho chị Dương Thị H ký vào mục “Kho quỹ” của Giấy rút tiền và chi cho V số tiền 12.600.000 đồng. Khi nhận tiền của chị H, V ký tên “H” vào mục “Người rút tiền”. Số tiền này, V đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với: Bản kiểm điểm, bản tường trình và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của đại diện phía bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Kết luận giám định số 569/KL-PC54 ngày 22/6/2011 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang về kết luận chữ ký, chữ viết của bị cáo Ngụy Ngọc V, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo không được vợ chồng anh H, chị G ủy quyền rút tiền từng phần, không đồng ý đưa sổ tiết kiệm, chứng minh nhân dân để bị cáo Ngụy Ngọc V rút tiền từng phần. Nhưng bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn là kế toán trưởng, sự nể nang của chị H, anh L, anh Thanh và bằng thủ đoạn gian dối để hợp thức thủ tục rút tiền 02 lần vào ngày 31/8/2009 và ngày 19/10/2009. Cả hai lần rút tiền này bị cáo Ngụy Ngọc V đều không hạch toán kế toán, không ghi số tiền

rút từng phần vào Thẻ lưu sổ tiết kiệm có kỳ hạn do Quỹ tín dụng quản lý để tránh sự phát hiện của Giám đốc, Kiểm soát và Thủ quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân xã V. Bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt của Quỹ tín dụng nhân dân xã V số tiền 22.649.200 đồng và sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Án sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ và xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng người, đúng tội, không oan. Do vậy, việc kháng cáo của bà Ninh Thị G là không có cơ sở.

Đối với việc bị cáo Nguyễn Ngọc V khiếu nại về việc hành vi bị truy tố đã bị Quỹ tín dụng nhân dân xã V xử lý buộc thôi việc. Khiếu nại này đã được Viện kiểm sát nhân dân huyện T có văn bản trả lời khiếu nại số 384/VKS ngày 24/7/2018 cho bị cáo Nguyễn Ngọc V. Tại Biên bản xác minh ngày 06/9/2018 và Biên bản xác minh ngày 10/9/2018, Viện kiểm sát ND tỉnh Bắc Giang và Viện kiểm sát ND huyện T xác định: Nội dung khiếu nại này đã được Viện kiểm sát ND huyện T ban hành văn bản trả lời khiếu nại số 384/VKS ngày 24/7/2018 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc V và đã có hiệu lực nên Viện kiểm sát ND tỉnh Bắc Giang và Viện kiểm sát ND huyện T không xem xét trả lời lại đối với khiếu nại này. Như vậy, Cơ quan có thẩm quyền đã trả lời toàn bộ nội dung khiếu nại của bị cáo Nguyễn Ngọc V, đến nay bị cáo V xác định tại phiên tòa là không có khiếu nại nào khác. Việc buộc thôi việc Nguyễn Ngọc V của quỹ tín dụng là xử lý hành chính trong công tác quản lý đối với cán bộ, người lao động trong quỹ tín dụng (Không thuộc trường hợp Nguyễn Ngọc V đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt trên mà nay lại truy cứu trách nhiệm hình sự) do vậy không thuộc trường hợp một hành vi bị xét xử, xử lý hai lần nên Tòa án tiến hành xét xử bị cáo V là đúng pháp luật hình sự.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Ngọc V thấy:

Ngày 31/8/2009, Nguyễn Ngọc V chiếm đoạt số tiền 10.049.200 đồng; Ngày 19/10/2009, Nguyễn Ngọc V chiếm đoạt số tiền 12.600.000 đồng. Bị cáo phạm tội 02 lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 01 Điều 52 BLHS.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã khắc phục hậu quả, nộp lại toàn bộ số tiền 22.649.200 đồng đã chiếm đoạt cho Quỹ tín dụng nhân dân xã V. Trong thời gian công tác tại Ủy ban nhân dân xã V và Quỹ tín dụng nhân dân xã V bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc được tặng thưởng giấy khen. Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân xã V có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có mẹ là cụ Dương Thị Hỉn được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất và hạng nhì, gia đình bà Nguyễn Thị Bé (vợ bị cáo) được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo thừa nhận hành vi rút tiền ngày 31/8/2009 và ngày 19/10/2009 và phạm tội một lần đối với số tiền chiếm đoạt 22.649.200 đồng nên bị cáo được áp dụng điểm s khoản 01 Điều 51

BLHS mặc dù bị cáo xác định hành vi của bị cáo đã xử lý buộc thôi việc, kỷ luật đảng thì không thể truy tố tiếp bị cáo.

Về nhân thân bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân tốt.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu về tài sản của cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo V.

Bị cáo có nhân thân tốt, có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, là người cao tuổi và thuộc diện hộ cận nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm s khoản 01 Điều 51 BLHS. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Ngọc V là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với hành vi phạm tội, giảm cho bị cáo một phần mức hình phạt tù và xử phạt bị cáo bằng thời hạn bị tạm giam là 02 năm 01 tháng 06 ngày là phù hợp.

[5] Án phí: do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc V được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bà Ninh Thị G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Ninh Thị G. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc V. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 01 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc V 02 năm 01 tháng 06 ngày tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Được trừ đi 02 năm 01 tháng 06 ngày bị cáo đã chấp hành hình phạt tù từ ngày 07/01/2016 đến ngày 13/02/2018 tại Bản án số 152/2012/HSPT ngày 27/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 12, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Nguyễn Ngọc V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ninh Thị G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- VKSND huyện T;
- TAND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung

